

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

PHẦN 1: BÀI TẬP CƠ BẢN

Bài 1:

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại công ty Dệt Phương Nam ngày 01/10/N như sau: (đơn vị: đồng)

Nơi sử dụng	Nguyên giá	Tỷ lệ khấu hao	Giá trị HM lũy kế
1. PXSX chính số 1	1.140.000.000	-	360.000.000
- MMTB	900.000.000	10	300.000.000
- TSCĐ khác	240.000.000	5	60.000.000
2. PXSX chính số 2	864.000.000	-	306.000.000
- MMTB	720.000.000	10	270.000.000
- TSCĐ khác	144.000.000	5	36.000.000
3. PXSX phụ	270.000.000	10	181.000.000
4. Bộ phận bán hàng	324.000.000	5	48.000.000
5. Bộ phận QLDN	360.000.000	5	90.000.000
Cộng	2.958.000.000	x	985.000.000

Trong tháng 10/ N có tình hình biến động TSCĐ như sau:

- Ngày 5/10 Theo hợp đồng mua bán số 09, hóa đơn GTGT số 02589 và Biên bản giao nhận số 07, PXSX chính số 1 nhận 1 thiết bị sản xuất, đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển. Giá mua chưa có thuế GTGT 288.000.000; thuế suất thuế GTGT 10%, đã trả 50% bằng chuyển khoản. Thông tin bổ sung về thiết bị sản xuất:
 - Tên thiết bị: máy xe sợi số hiệu XS 0987
 - Nước sản xuất: Nhật Bản – năm sản xuất: N-5
 - Công suất 1.000.000 tấn.
- Ngày 15/10 theo biên bản giao nhận số 08 kèm hóa đơn khối lượng XDCH số 250 ngày 7/10 PXSX chính số 2 nhận bàn giao nhà xưởng đưa vào sử dụng, diện tích mặt bằng 4000m2 đầu tư bằng nguồn vốn XDCH
 - Giá trị quyết toán của công trình được duyệt chưa có thuế GTGT là 600.000.000.
 - Thuế suất thuế GTGT 10%
 - Tổng giá trị thanh toán của công trình là 660.000.000; công ty đã ứng trước cho bên nhận thầu xây dựng 70%, sau khi giữ lại 5% tổng giá thanh toán của công trình, công ty đã trả bằng chuyển khoản.
- Ngày 20/10, theo QĐ số 09 QĐ/TCKT ngày 10/10 của giám đốc công ty và biên bản thanh lý số 25 ngày 20/10, thanh lý 1 nhà kho của bộ phận sản xuất phụ
 - Nguyên giá 180.000.000
 - Giá trị hao mòn lũy kế 170.000.000
 - Thời gian sử dụng 10 năm
 - Phiếu chi số 150 ngày 20/10, chi thanh lý tài sản cố định 1.000.000
 - Phiếu thu số 230 ngày 20/10 về tiền bán phế liệu thanh lý 12.000.000
- Ngày 30/10 theo hợp đồng liên doanh với công ty thương mại Phú Thịnh bằng một cửa hàng
 - Thời hạn liên doanh 10 năm
 - Nguyên giá của cửa hàng 240.000.000

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

- Giá trị hao mòn lũy kế 30.000.000
- Hội đồng liên doanh ghi nhận giá trị góp vốn là 220.000.000

Yêu cầu:

1. Tổ chức chứng từ cho các nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ nêu trên (các chứng từ liên quan, sơ đồ luân chuyển chứng từ, trình tự thực hiện lập và luân chuyển chứng từ)
2. Lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 10/ N trong trường hợp khấu hao được tính theo nguyên tắc tròn ngày.
3. Mở sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết theo hình thức Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ.

Bài 2:

Tài liệu về tiền lương và các khoản phải trích theo lương tại công ty TNHH Phương Nam trong tháng 1/ N (đơn vị tính: đồng)

Các nghiệp vụ phát sinh trong tháng 1/ N

1. Ngày 25/1 theo giấy báo nợ số 025/1 của Ngân hàng công thương Việt Nam và phiếu thu số 75, doanh nghiệp rút tiền gửi về chuẩn bị trả lương 200.000.000
2. Ngày 30/1, tính ra số tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên trong tháng:

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương Chính	Phụ cấp				Hỗ Trợ Nhà ở	Tổng Thu Nhập	Ngày công thực tế	Tổng Lương Thực Tế
				Trách nhiệm	Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe				
A	Bộ phận Quản lý		30.900.000	6.000.000	8.000.000	3.500.000	2.400.000	10.100.000	60.900.000	173	60.184.000
01	Hoàng Trung Thật	GĐ	6.000.000	3.000.000	1.500.000	1.000.000	500.000	2.000.000	14.000.000	25	14.000.000
02	Lã Văn Nam	P.GD	5.000.000	2.000.000	1.300.000	800.000	400.000	1.800.000	11.300.000	24	10.848.000
03	Nguyễn Đức Việt	KTT	4.500.000	1.000.000	1.200.000	600.000	300.000	1.500.000	9.100.000	25	9.100.000
04	Hoàng Văn Hào	KTV	4.000.000		1.000.000	300.000	300.000	1.200.000	6.800.000	25	6.800.000
05	Nguyễn Thị Thuý	NVVP	3.800.000		1.000.000	200.000	300.000	1.200.000	6.500.000	25	6.500.000
06	Đặng Thị Thuý	TQ	3.800.000		1.000.000	300.000	300.000	1.200.000	6.600.000	24	6.336.000
07	Trần Tuấn Anh	TK	3.800.000		1.000.000	300.000	300.000	1.200.000	6.600.000	25	6.600.000
B	Bộ phận Bán hàng		12.600.000	1.500.000	3.200.000	1.600.000	1.700.000	3.900.000	24.500.000	75	24.500.000
01	Vũ Đức Long	TPDKD	5.000.000	1.500.000	1.200.000	800.000	800.000	1.500.000	10.800.000	25	10.800.000
02	Nguyễn Văn Hiệp	NVKD	3.800.000		1.000.000	500.000	600.000	1.200.000	7.100.000	25	7.100.000
03	Nguyễn Đức Trung	NVBH	3.800.000		1.000.000	300.000	300.000	1.200.000	6.600.000	25	6.600.000
	Tổng A + B		43.500.000	7.500.000	11.200.000	5.100.000	4.100.000	14.000.000	85.400.000	248	84.684.000
C	Phân xưởng 1		30.900.000	2.000.000	7.500.000	1.000.000	1.100.000	10.100.000	52.600.000	173	52.040.000
01	Lê Văn Bình	QĐ	6.000.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000	500.000	2.000.000	13.000.000	25	13.000.000
02	Nguyễn Hoài Giang	CN	5.000.000		1.000.000	0	100.000	1.800.000	7.900.000	24	7.584.000
03	Hoàng Gia Hào	CN	4.500.000		1.000.000	0	100.000	1.500.000	7.100.000	25	7.100.000
04	Lê Văn Linh	CN	4.000.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.300.000	25	6.300.000
05	Nguyễn Phong Sắc	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	25	6.100.000
06	Đinh Thị Thùy	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	24	5.856.000

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

07	Hà Anh Dũng	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	25	6.100.000
D	Phân xưởng 2		20.200.000	1.500.000	5.200.000	1.000.000	500.000	6.300.000	34.700.000	125	34.700.000
01	Nguyễn Văn A	QĐ	5.000.000	1.500.000	1.200.000	1.000.000	100.000	1.500.000	10.300.000	25	10.300.000
02	Phạm Văn B	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	25	6.100.000
03	Hoàng Thị C	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	25	6.100.000
04	Chu Thành Đạt	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	25	6.100.000
05	Nông A Sử	CN	3.800.000		1.000.000	0	100.000	1.200.000	6.100.000	25	6.100.000
	Tổng C + D		51.100.000	3.500.000	20.200.000	2.000.000	2.700.000	16.400.000	139.900.000	298	86.740.000
	Toàn Công ty		94.600.000	11.000.000	31.400.000	7.100.000	6.800.000	30.400.000	225.300.000	546	171.424.000

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định
4. Ngày 31/1 nộp KPCĐ, BHXH, BHYT cho cơ quan quản lý quỹ bằng chuyển khoản đã nhận được giấy báo Nợ số 75/1
5. Ngày 31/1 thanh toán lương và các khoản khác cho người lao động (phiếu chi số 95)

Yêu cầu:

1. Anh chị hãy kể tên các văn bản pháp luật liên quan đến lao động tiền lương hiện đang có hiệu lực
2. Anh chị hãy chỉ ra các loại chứng từ sử dụng trong công tác kế toán lao động tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động.
3. Lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH tháng 1/ N
4. Nêu các hình thức trả lương và chỉ ra các chứng từ cần sử dụng trong mỗi hình thức trả lương đó, trách nhiệm lập, luân chuyển của các chứng từ đó.
5. Vào sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ.

Bài 3:

Công ty thương mại Thành Đạt kinh doanh trong lĩnh vực phân phối máy tính, hiện nay công ty đang là nhà phân phối chính thức cho 4 thương hiệu máy tính HP, ACER, ASUS và DELL và một số nhà cung cấp vắng lai khác. Khi nhà cung cấp giao hàng, bộ phận kho tiến hành nhập kho và ghi sổ theo dõi hàng nhập kho. Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán mua hàng ghi nhận nghiệp vụ và thanh toán cho nhà cung cấp theo từng hợp đồng đã ký. Do nhu cầu mở rộng công việc kinh doanh và phân phối thêm linh kiện máy tính, công ty dự định hợp tác thêm với nhiều nhà cung cấp khác.

Yêu cầu 1: Theo anh chị cần tổ chức hệ thống sổ sách kế toán chi tiết với nhà cung cấp trên như thế nào? Hãy nêu nguyên tắc căn cứ cho việc thiết kế khối lượng, nội dung, phương pháp và quy trình HTKT thanh toán với NCC.

Yêu cầu 2: Vận dụng yêu cầu 1 để tổ chức hạch toán chi tiết thanh toán với NCC theo tài liệu cho sau đây (đvt 1000 đồng):

1. Công nợ tồn đầu kỳ
 - NCC HP (Dư có) 150.000
 - NCC ACER(Dư có) 100.000
 - NCC ASUS(Dư Nợ) 25.000
 - NCC DELL (Dư có) 24.000
 - NCC E (Dư Nợ) 15.000
 - NCC F (Dư Có) 35.000

Trong đó HP, ACER, ASUS và DELL là các nhà cung cấp thường xuyên.
2. Trong tháng 4/N công ty có tình hình thanh toán với các NCC như sau:
 - Ngày 5 mua hàng hóa nhập kho theo hóa đơn số 01254 của ACER, trị giá hàng mua theo hóa đơn chưa thuế GTGT là 146.000, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán (phiếu nhập kho số 37)
 - Ngày 7 mua hàng hóa nhập kho theo hóa đơn số 0345 của HP trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 10% 50.000, chưa thanh toán (phiếu nhập kho số 38)

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

- Ngày 8 thanh toán bớt nợ cho ACER bằng tiền gửi (theo giấy báo nợ số 098/4 của ngân hàng công thương VN) số tiền 185.000.
- Ngày 10 mua hàng hóa của HP theo hóa đơn số 0350 trị giá hàng hóa chưa thuế GTGT 10% là 90.000, thuế GTGT 10% (phiếu nhập số 39), doanh nghiệp đã thanh toán 505 bằng ck (giấy báo nợ số 0102/4)
- Ngày 12 mua hàng hóa của ASUS theo hóa đơn số 0236, trị giá hàng mua chưa thuế GTGT là 40.000. Số hàng mua không nhập kho mà chuyển bán thẳng cho khách hàng T, chưa thu tiền.
- Ngày 15, mua hàng hóa nhập kho nhập kho theo hóa đơn của nhà cung cấp DELL theo hóa đơn số 0542, giá mua chưa thuế 46.000, thuế GTGT 5%.
- Ngày 17, đơn vị chuyển khoản thanh toán hết nợ đầu kỳ cho DELL theo giấy báo Nợ số 0789/4 của ngân hàng sacombank
- ứng trước tiền cho nhà cung cấp ASUS để tháng tới mua hàng, số tiền theo phiếu chi số 154 là 36.000
- Ngày 22, mua hàng nhập kho của E theo hóa đơn GTGT giá mua chưa thuế GTGT LÀ 49.000, thuế GTGT 10%.
- Ngày 25 theo thỏa thuận với nhà cung cấp F (cũng đồng thời là khách hàng của đơn vị), đơn vị thanh toán bù trừ số nợ và phải thu 25.000, phần còn lại đơn vị thanh toán cho F bằng tiền ngân hàng (giấy báo nợ số 750/4).
- Ngày 29 trả lại hàng cho ACER mua ở ngày 5 do hàng kém phẩm chất, trị giá hàng hóa trả lại chưa thuế GTGT là 30.000, thuế GTGT 10%. Công ty ACER đã chấp nhận số hàng trả lại và trừ vào số mà đơn vị đang nợ.

Yêu cầu 3: Tổ chức ghi sổ tổng hợp và sổ kế toán chi tiết theo hình thức Nhật ký chung

Yêu cầu 4: Nếu đơn vị áp dụng hình thức sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ thì kế toán thanh toán với NCC được thực hiện như thế nào.

Bài 4:

Yêu cầu 1: Tổ chức kế toán chi tiết chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp với tài liệu sau:

Doanh nghiệp Hoa Mai sản xuất 3 loại sản phẩm A,B,C ở 3 phân xưởng sản xuất khác nhau. Tổ chức sản xuất theo kiểu chuyên môn hóa theo sản phẩm

1. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ được tính theo chi phí nguyên vật liệu chính (đơn vị tính: đồng)

- Sản phẩm A – phân xưởng 1: 25.000.000
- Sản phẩm B – phân xưởng 2 16.400.000
- Sản phẩm C – phân xưởng 3: 15.600.000

2. Chi phí sản xuất sản phẩm theo kế hoạch sản xuất trong kỳ như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu chính đã chi cho sản xuất cho 3 loại sản phẩm: sp A 195.000.000; sp B 168.000.000; sp C 146.600.000
- Vật liệu phụ chi trực tiếp sản xuất sp A 43.500.000; sp B 23.100.000; sp C là 72.000.000

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

- Vật liệu phụ dùng cho phân xưởng: phân xưởng 1 là 5.500.000; phân xưởng 2 là 5.100.000; phân xưởng 3 là 1.300.000
- 3. Giá trị động lực mua phải trả chưa thuế GTGT dùng tại phân xưởng 1 là 700.000; phân xưởng 2 là 500.000; phân xưởng 3 là 520.000; thuế GTGT 10%
- 4. Khấu hao TSCĐ trong kỳ của phân xưởng 1 là 20.000.000; phân xưởng 2 là 10.700.000; phân xưởng 3 là 10.000.000.
- 5. Chi bằng tiền mặt cho phân xưởng 1 là 4.600.000, phân xưởng 2 là 5.550.000; phân xưởng 3 là 9.370.000
- 6. Lương trả công nhân viên của phân xưởng 1 là 280.000.000, trong đó trực tiếp sản xuất sản phẩm là 200.000.000, gián tiếp 80.000.000; phân xưởng 2 là 180.000.000, trong đó trực tiếp 240.000.000, gián tiếp 40.000.000; phân xưởng 3 là 270.000.000, trong đó trực tiếp 200.000.000, gián tiếp 70.000.000).
- 7. Các khoản trích theo lương theo quy định.
- 8. Kết quả sản xuất tính đến cuối kỳ
- Phân xưởng 1: nhập kho 2000 sp, dở dang 500 sp
- Phân xưởng 2: gửi bán 3.400 sp, dở dang 600 sp
- Phân xưởng 3: nhập kho 2000 sp, dở dang 700 sp

Yêu cầu 2: Nếu doanh nghiệp tổ chức cả 3 sản phẩm A,B,C trên cùng 1 dây chuyền sản xuất của một phân xưởng thì việc hạch toán chi tiết trong doanh nghiệp được thực hiện như thế nào?

Yêu cầu 3: Tổ chức hạch toán tổng hợp tại DN theo hình thức Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, chứng từ ghi sổ.

Yêu cầu 4: Qua bài tập trên anh chị hãy cho biết công nghệ sản xuất sản phẩm, loại hình sản xuất sản phẩm, quy mô sản xuất sp có ảnh hưởng ntn tới việc xác định đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí giá thành; xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết, sổ chi tiết.

Bài 5:

Cho tài liệu về tình hình tiêu thụ sản phẩm tại công ty thương mại và sản xuất Kiên Xuân (đơn vị tính 1000 đồng)

- I. Tồn đầu quý
Sản phẩm A 5000 chiếc, tổng giá thành kế hoạch 880.000, tổng giá thành thực tế 900.000
Sản phẩm B 6400 chiếc, tổng giá thành kế hoạch 940.000, tổng giá thành thực tế 920.000
- II. Các nghiệp vụ bán hàng phát sinh trong quý 3/N như sau
 - 1. Ngày 12/7 xuất kho sản phẩm A gửi đại lý Xuân Thùy theo phiếu xuất kho số 55, số lượng 1200 chiếc, giá bán đề xuất 230/c, thuế GTGT 10%
 - 2. Ngày 15/7 xuất kho bán trực tiếp 1 số sản phẩm cho khách hàng T, hóa đơn GTGT số 0125, khách hàng chưa thanh toán. Phiếu xuất kho số 58, sp A xuất 1450c, sp B xuất 2400c. giá bán chưa thuế GTGT 10% của sp A là 225/c và sp B là 160/c.
 - 3. Ngày 20/7 xuất kho sp B bán cho khách hàng K, số lượng hàng xuất là 500 chiếc, phiếu xuất kho số 62, khách hàng ko lấy hóa đơn, đã thanh toán ngay bằng tiền mặt, giá bán chưa thuế GTGT 105 là 160/c

BÀI TẬP TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

4. Ngày 28/7 xuất kho sản phẩm A bán trả góp cho khách hàng X theo hóa đơn bán hàng số 0127, phiếu xuất kho số 063, số lượng 600c, giá bán thanh toán ngay 1 lần là 220/c (giá chưa thuế GTGT 10%). Giá bán trả góp là 250/c (giá chưa thuế GTGT 10%). Khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt 20.000 (phiếu thu số 135), số còn lại trả dần trong 10 tháng tiếp theo.
5. Ngày 30/7 nhập kho từ sản xuất 15.000 chiếc sp A, 12.000 chiếc sp B (phiếu nhập kho số 141)
6. Ngày 8/8 đại lý Xuân Thùy thanh toán tiền hàng đã bán sau khi trừ 5% hoa hồng được hưởng.
7. Ngày 10/8 xuất kho 3000 chiếc sp A gửi tới công ty Xuân Mai chờ chấp nhận, giá bán chưa thuế GTGT 225/c, thuế suất 10%.
8. Ngày 25/8 xuất kho 4000 chiếc sp B chuyển tới đại lý Quyết Dung, giá bán quy định với đại lý là 160/c, thuế GTGT 10%.
9. Ngày 25/8 khách hàng Xuân Mai chấp nhận 90% số hàng mà đơn vị chuyển tới ngày 10/8. Số hàng còn lại đơn vị đã nhập lại kho. Tiền hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản, đơn vị chấp nhận chiết khấu thanh toán 1% cho khách hàng.
10. Ngày 3/9 khách hàng T trả lại 50 chiếc sản phẩm A mua ngày 15/7 do chất lượng kém, đơn vị đã nhập kho và trừ vào số nợ của khách hàng.
11. Ngày 10/9 xuất kho 1500c sp A và 2000x sp B bán trực tiếp cho khách hàng, đơn giá bán 225/c, sp B 160/c, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán ngay cho đơn vị bằng tiền mặt sau khi trừ đi 1,5% chiết khấu thanh toán được hưởng.
12. Ngày 22/9 bộ phận sản xuất hoàn thành 2.500 chiếc sp A và 3000 chiếc sp B, trong đó: chuyển thẳng bán 1500c sp A và 1800c sp B; đơn giá bán sp A là 225/c, sp B là 160/c. Khách hàng thanh toán chậm sau 10 ngày.
13. Đại lý Quyết Dung thông báo bán được toàn bộ số hàng theo giá bán đề xuất và xin thanh toán tiền hàng chậm.

Yêu cầu:

1. Mở sổ chi tiết bán hàng sp A, B
2. Lập sổ tổng hợp, sổ chi tiết doanh thu bán hàng
3. Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ